

Ngày xưa, thời quân chủ, hễ ai là thành viên của làng/ xã không thể không tuân thủ theo lệ làng. Mọi hành xử trong làng đều có lệ làng (Hương ước) quy định và điều chỉnh.

Bài viết này xin được ghi chép lại một vài điều lệnh cũ xưa thời quân chủ.

Người làng không thể không thực hiện. Hễ ai trái lệnh làng/ xã sẽ bị bắt phạt theo lệ của làng. Tục lệ thế thời xưa từng tồn tại, đã là dân trong một xã hiệu tuyệt đối phải chấp hành. Lệ như thế chấm dứt sau Cách mạng Tháng tám năm một chín bốn lăm.

Ghi lại trong bài viết này theo tinh thần “ôn cố tri tân”, theo cách “đời người nên biết” chuyện cũ của người xưa để ứng xử thời nay phù hợp.

NỀN NẾP CŨ

1. Trống, mõ, thanh la gọi xã dân tập trung tại nhà Xích Hậu

Thời quân chủ xưa, lệnh của làng có tác dụng tuyệt đối với xã dân, không cứ gì dân đình dân tráng mới chấp hành hiệu lệnh bằng trống hoặc mõ mà mọi người dân kể cả lực lượng hương chức phải chấp y theo lệnh. Ai không tuân lệnh, liền bị phạt vạ. Vạ có nhiều hình thức, nhưng nhanh và kịp thời để nêu gương là đánh mấy hèo, mấy roi, hoặc còng chân vào cột nhà Xích Hậu mấy giờ mấy khắc.¹

Lệnh làng có hai hình thức: khẩu lệnh và thanh lệnh.

Khẩu lệnh

Cũng bởi xã dân nhiều người không biết chữ nên có thông tư công văn, giấy tờ đến nhà cũng không đọc được. Do đó, làng

¹ Nhà Xích Hậu thường thiết trí cạnh ngôi đình, vừa để họp làng định kỳ, hoặc đột xuất, vừa để dân đình dân tráng, lực lượng ngũ hương tập trung thực thi thuế má, công cán,... canh gác.

cử vị Hương dịch đến tận nhà báo cho biết để người dân thực hiện. Trường hợp như đòi xôi, thuốc, xử kiện, cắt cử ngày công,... Mỗi khi họp làng có việc bình thường hay khẩn cấp vị Hương dịch đi từng nhà các vị hương chức trong làng mời đến nhà Xích Hậu dự họp. Đây là khẩu lệnh. Ai không tuân lệnh, Lý trưởng cho dân đình dân tráng đến nhà bắt trói tay đưa đến nhà Xích Hậu xử tội không tuân khẩu lệnh. Lệnh nghiêm khắc thế nên xã dân hễ nghe Hương dịch đến nhà là có “vấn đề gì rồi đây”.

Thanh lệnh

Là lệnh do Lý Hương ban ra bằng các dụng cụ: trống, mõ, thanh la. (Tại làng Đông Phước ngày xưa không rõ có mõ bằng gỗ hay không, chứ mõ tre thì đã có). Thanh lệnh khẩn trương hay không được thể hiện bằng âm thanh cao độ, trường độ, cường độ các dụng cụ phát ra.

Việc khẩn cấp, gấp rút, cần nhanh chân chạy đến Xích Hậu kịp thời thì trống hoặc mõ hoặc thanh la gióng lên bằng *hồi một*.

Việc còn thông thả được, chưa gấp rút thì trống hoặc mõ hoặc thanh la gióng lên *hồi hai*.

Việc bình thường như sang canh, nhắc nhở dân đình dân tráng coi ngó kẻ trộm đột nhập vào làng,...(khi nghe chó sủa) trống, mõ hoặc thanh la gióng lên *hồi ba*.

- ***Trống hồi một*** gióng lên một chuỗi âm thanh ngắn, dồn dập (chừng 40 tiếng) liền kề lớn đến nhỏ rồi dừng hẳn (3 tiếng đầu không lời). Lại tiếp tục nhiều lần như thế.

Xã dân nghe lệnh hồi một thì đoán chắc là cọp, voi, hoặc kẻ trộm cắp xâm nhập vào làng. Phía tây làng Đông Phước có hồ Voi, được cho là nơi voi trên Đồng Môn, Cẩm Khê xuống tắm mình. Hoặc trong làng có người chết *bất đắc kỳ tử*, xã dân nghe lệnh cầm một đoạn dây và cây gậy chạy đến nhà Xích Hậu.

- **Trống hồi hai** giống lên nhằm thúc giục xã dân. Lệnh giống lên 3 tiếng trong 2 nhịp. Hai tiếng đầu vào 1 nhịp, tiếng sau 1 nhịp (tùng tùng/ tùng) và cứ vậy giống lên nhiều lần để thúc giục thành một chuỗi dài âm thanh 3 tiếng chập.

Nghe trống lệnh hồi hai, xã dân không gì phải vội, thông thả tề tựu đến nhà Xích Hậu hoặc chơi bài chòi, xem hát bội cho kịp lễ khai châu,...

- **Trống hồi ba** (có lúc gọi trống chiêu) giống lên theo cách 3 tiếng đầu lơ lơi ra, sau đó giống đều rồi dồn dập đổ xuống dần, âm thanh từ lớn đến nhỏ và dứt hẳn. Cũng đánh âm thanh từ lớn nhỏ dần đến đoạn dồn dập lại giống 3 tiếng lơ lơi ra (kết hợp hồi hai – không vội nhưng xã dân nhứt thiết phải có mặt) rồi đổ xuống nhỏ hẳn và dứt hồi trống. (Trống nhóm học sinh tề tựu học hành tại các trường phổ thông là trống hồi ba).

Nghe lệnh trống hồi ba, xã dân hiểu là lệnh nhắc nhở dân làng họp hành tại nhà Xích Hậu, hoặc tập trung thực hiện việc dạy dỗ âm linh, tập trung dự lễ cầu an tại đình, tập trung đón quan tổng, huyện về thăm làng,...

Làng Đông Phước thời kháng chiến chống Pháp thường sử dụng trống hồi 1 báo hiệu có giặc đi lùng, việc khẩn cấp như cháy nhà, án mạng bất đắc kỳ tử. Từ 1945 về sau trống hồi 1 ít được sử dụng và lặn vào quên lãng. Theo xưa, lưu truyền trong dân gian làng Đông Phước về mức độ tác dụng của trống hồi 1, hồi 2 và hồi 3:

Nhất vi nhất tâm hồn sáng lạc

Nhì vi nhì bá tánh bá nghi

Tam vi tam thiên hạ trừ trì

Tiếng mõ không dùng vào lệnh gọi xã dân tề tựu mà chỉ giống trống. Thanh la chỉ sử dụng trong án mạng, tang ma. Trong ba loại âm thanh đó, tiếng mõ có giá trị biểu đạt cao nhất. Mõ chỉ

có vị Lý trưởng được khởi lên, hoặc Lý trưởng ủy quyền cho một hương chức nào đó thay mặt khởi mõ. Mõ hồi 1 là hiệu lệnh: 1/ báo động gấp rút khi làng cần tập trung dân, 2/ kêu gọi dân tề tựu cúng đình làng, 3/ tập trung dân đón quan trên về làng. Khẩu lệnh hay thanh lệnh được ghi trong Hương ước của làng. Vùng Hòa Vang xưa kia còn lưu giữ bản Khoán ước của Phước Sơn đại xã có quy định rạch ròi người được dùng thanh lệnh. Lý trưởng xã mới được quyền khởi mõ.

Tại làng Đông Phước, thời nay tiếng thanh la khởi hồi hai liên tục từng hồi nhằm ban bố hiệu lệnh tập trung dân đình dân tráng vào việc tang ma.

2. HỌP LÀNG

Làng Đông Phước thời trước có nhà Xích Hậu thiết trí cạnh đình. Tại đây thường diễn ra các cuộc họp xã dân.

Để tập trung, làng phân cho một vị trong ngũ hương gióng trống hồi ba nhóm dân đi họp. Tại nhà Xích Hậu đặt một bộ ngựa dành cho các hương lý trong làng, tùy theo vai vế mà ngồi. Giữa bộ ngựa đặt một bình tích nước chè, một khay trầu cau. Cạnh bộ ngựa có chiếc bàn độc dành cho vị hương bộ (thư ký ghi chép nội dung cuộc họp). Xã dân ngồi xếp bằng dưới đất trước bộ ngựa. Nói là họp xã dân chứ thật ra quyền dân chủ không có, Lý trưởng, các hương lý, hào mục nói thế nào dân nghe thế ấy, không cãi (phản biện) mà có cãi Lý trưởng cũng không nghe. Làng có lực lượng các ông Hương (không nằm trong lực lượng ngũ hương) ngồi dự để Lý trưởng và các hương lý hào mục sai khiến mà thôi.

3. PHẠT VẠ NHỮNG AI GÂY GỖ, ĐÁNH LỘN LA LÀNG

Thời quân chủ, trong Hương ước của làng Đông Phước và ngay cả quy định bất thành văn trong dân gian cấm xã dân không

được *la làng* trong làng. Đánh lộn, gây gổ chuyện riêng tư mà *la huớ làng*, lập tức bị làng phạt vạ. Vạ phạt thế nào?

Ban Hương mục của làng gọi người không có gì cả mà lại *la làng* làm ồn ào, gây vẻ sừng sốt trong làng về nhà Xích Hậu (nhà họp của làng) để phạt vạ. Tại đây các vị trong Ban Hương mục nêu việc sai phạm của người *la huớ làng*, rồi theo lệ phải chịu phạt vạ. Vạ có thể là:

Như việc dầy cỏ quanh nhà Xích Hậu, đắp khúc đường công hương sạt lở, phát quang đường làng, phát bụi tre ngã nghiêng chắn ngang đường kiệt, phát bụi lùm cho quang rạng đường công hương,... như thế gọi là *bắt đi làm xấu*.

Tuy nhiên, có người *la làng* lại được hoan nghênh, như *la làng* khi phát hiện cộp beo vào làng bắt trộm trâu bò, gà vịt; có cướp đột nhập vào làng ban ngày hoặc ban đêm; giặc vào làng ai phát hiện *la làng* lên được hoan nghênh. Những trường hợp như thế có ảnh hưởng chung đến trật tự trị an của toàn xã dân nên được khuyến khích mà không phạt vạ.

-Phạt vạ do có hành vi trộm cắp

Tại làng, thời trước người giàu có không nhiều những ai trộm cắp của người khác như: dắt trâu bò, cắt lúa trộm, đào khoai trộm, xén măng trộm,... bắt được quả tang làng sẽ phạt vạ. Người bị phạt, dân đình dân tráng đến trối tay đưa đến nhà Xích Hậu. Tại đây Lý trưởng và các vị trong ngũ hương xét tội. Tội nhẹ chỉ bị đánh đòn bằng hèo, trả của trộm cho người mất. Tội nặng đã bị đánh đòn bằng hèo còn bị *cạo đầu bôi vôi*, thông báo cho xã dân biết danh tánh, mặt mũi người trộm cắp.

-Phạt vạ do chữa hoang (không chông mà chữa)

Thời xưa, quan niệm tam tòng, tứ đức ràng buộc người phụ nữ rất kín. Hễ ai vi phạm liền bị xã dân khinh thường, làng bắt vạ, bởi gây nên tiếng xấu cho nhà, cho làng.

Tội chữa hoang, bộ phận hương lý sai dân tráng đào một cái hục (hố) sao cho người phụ nữ ngồi vào đó lấp đất chỉ còn phần đầu nhô lên. Cao đầu *bồi tro trét trấu* để nhớ mà chữa, làm gương cho phụ nữ nào có ý định “không chồng mà chữa mới ngoan”, không nên gây tiếng xấu cho làng.

Ngày xưa chữa hoang người dân rất mực chê cười, không chỉ làng Đông Phước mà trong phạm vi vùng xứ Quảng xưa kia có đặt về phê phán những phụ nữ chữa hoang: *Ve ve bắt về con gái/ Chồng mới đi nói, gái lại mang thai²/ Đêm khuya thanh vắng dẫn trai về nhà/ Tìm đàn gai kẹo sắc ra một nồi/ Ra đi quân lá thả dong/ Bứt dây mà buộc nội trong dạ mình/ Ông Thủ ngó thấy sự tình/ Con tui chùng nó trong mình chữa hoang/ Rồi đây trầu rượu thừa làng/ Mỡ, công nhí nhái hai đàn lập mưu, ... Mang gông thắt thểu lêu bêu/ Cuối đầu lay mẹ cùng cha/ Thương con một chút xuống Nha ngồi tù/ Mi là con gái phạm phu/ Theo trai có chữa ngồi tù cũng ưng, ...³*

Hoặc : *Ve ve bắt về chữa hoang/ Mụ này bụng đã quả tang/ Nơi mô chưa biết, xóm làng chưa hay/ Mẹ con lo lắng đêm ngày/ Nghiến răng trèo treo con rày hồi con/ ... Con lo thì mẹ cũng lo/ Mẹ đừng có nói ruột to ra chừ/ Làng trên xóm dưới chần chừ/ Ông Xã hay được liền ừ làng sang, ...*

-Phạt vạ do tội loạn luân

Ngày xưa loạn luân giữa cha – con, mẹ - con, anh – em, chị – em, không chỉ gia đình, dòng tộc trách phạt mà làng bắt vạ. Thường tội loạn luân, các vị cao tuổi tại làng kể rằng, hễ ai phạm

² Đi nói: đi hỏi vợ (nói vợ cho con).

³ Võ Văn Hòe (2017), *Về thao trai* trong sách *Về xứ Quảng và chú giải*, NXB Đà Nẵng.

tội loạn luân sẽ bị làng gọi đến nhà Xích Hậu cạo đầu bôi vôi, mục đích là cho xấu mặt, trị vì tội vi phạm luân thường đạo lý. Ban hương lục, lý hương gọi ra làng đánh hèo (dân gian thường nói đánh cho nó mấy hèo, rồi cạo đầu, bôi vôi bôi xấu cho nó chừa). Dòng tộc xóa tên trong phổ hệ, không cho mang họ gia tộc nữa. Đôi khi đuổi ra khỏi làng.



Nọc ra giữa công đường xử tội (Ảnh: Tl. minh họa)

Làng Đông Phước hiện tượng loạn luân hiếm khi xảy ra. Xứ Quảng có trường hợp loạn luân bị đuổi khỏi làng, phải lên núi Đát (Phong Lệ) mà ở, dân gian đặt bài vè:... *Người sao có chứng hai lòng/ Muốn thương bên nớ còn tròng bên tê/ Người đời có chứng dâm mê/ Đã thương bên nớ còn tròng bên tê.../ Hèn chi họ nói có*

nhằm/ Ai đời thấy rẻ ăn nằm cùng bà gia/ Châu rày lậu tiếng về nhà/ Chữ ô danh nan thực⁴ biết cái mặt chàng đại khôn.⁵

4. Viết câu đối

Xưa kia các vị đồ nho⁶ tại làng Đông Phước, và rộng hơn tại vùng Quảng Nam, Đà Nẵng, những người có chữ nghĩa thánh hiền thường vào các dịp tết nguyên đán, dịp họ hàng người thân, bạn bè mừng nhà mới họ làm thơ, viết câu đối tặng mừng. Đây cũng là sinh hoạt tinh thần trong dân gian thường diễn ra theo chu kỳ đời người.

Họ không phải là những người viết thơ phú chuyên nghiệp, nhưng họ cũng có thể viết câu đối theo thói quen sinh hoạt mang nặng yếu tố tinh thần, gửi gắm những mong ước đến với người thân, bạn bè tinh thần tao nhã, trong sáng. Hoặc họ ngồi lại với nhau trao đổi mạn đàm trong những lần *trà tam rượu tứ* của các cụ biết chữ Nho, lấy đó là niềm vui tâm đắc trong những lúc nông nhàn. Đây là cách sinh hoạt văn chương, tao nhã làm phong phú

⁴ *Ô danh nan thực*: Thực là chuộc lại. Ý nói rằng danh dự bị làm ô uế thì khó mà chuộc lại được.

⁵ Võ Văn Hòe (2017), *Về Ô danh nan thực*, trong *Về xứ Quảng và chú giải*. Sđd.

⁶ *Nho giáo* (儒教): còn gọi là *đạo Nho* hay *đạo Khổng* (*Nhon đạo*) là một hệ thống đạo đức, triết học xã hội, triết lý giáo dục và triết học chính trị do Khổng Tử đề xướng và được các môn đồ của ông phát triển với mục đích xây dựng một xã hội hài hòa, trong đó con người biết ứng xử theo lễ phải và đạo đức, đất nước thái bình, thịnh vượng. Nho giáo rất có ảnh hưởng tại ở các nước Đông Á là Trung Quốc, Đài Loan, Nhật bản, Bắc Triều Tiên, Hàn Quốc và Việt Nam và . Những người thực hành theo các tín điều của Nho giáo được gọi là các *nhà Nho*, *Nho sĩ* hay *Nho sinh*. Trong lịch sử Trung Hoa cổ đại, Nho giáo, Nho gia (đạo Nho) là một thuật ngữ bắt đầu từ chữ Nho, theo Hán tự từ "Nho" gồm từ "Nhân" (người) đứng gần chữ "Nhu". Nho gia còn được gọi là nhà Nho người đã học sách thánh hiền, có thể dạy bảo người đời ăn ở hợp luân thường, đạo lý,... Nhìn chung "Nho" là một danh hiệu chỉ người có học thức, biết lễ nghĩa. Tôn chỉ chính của Nho giáo bao gồm 3 điều, cụ thể như sau:

- Con người và vạn vật trời đất đều có tương thông với nhau
- Mọi việc đều phải lấy thực nghiệm để chứng minh
- Lấy trực giác và năng khiếu để tìm hiểu làm rõ vạn vật

(https://vi.wikipedia.org/wiki/Nho_gi%C3%A1)

thêm đời sống tinh thần trong giới những người “có chữ”. Và không chỉ trong giới có chữ mà đã lan tỏa tinh hoa văn hóa đến với giới bình dân. Họ thường vào dịp mừng tân gia, dịp tết, dịp có con thi đỗ đạt,...đến nhà các vị “sinh đồ”, các Nho gia xin câu đối về treo lên cột nhà. Xưa kia sinh hoạt tao nhã này thường diễn ra trong làng/ xã. Thế nên đây được xem là văn hóa làng xã.

Bắt chước cổ nhân, đôi khi họ sử dụng văn nghĩa có trong kinh sách Nho gia để viết câu đối. Có thể có các câu đối xưa: ⁷

-Trung hậu di lưu kế cấp tăng bồi nhơn nghĩa chỉ,
忠⁸ 厚 貽 流 繼 級 增 培 仁 義 只,
Lý nhơn mỹ hóa hỉ khan chế tạo đống lương cao.
里⁹ 仁 美 0 喜 看 制 造 棟 俚 高.

-Thái sơn ân tứ thiên thu tạc/ tại,
泰¹⁰ 山 恩 賜 千 秋 鑿,
Nguyên thủy đức lưu vạn thế truyền/ tôn.
源¹¹ 0 德 留 萬 吉 傳.

-Võ tộc tứ chi qua diệt diên miên bồi ám hậu,
Tự đường đồng tộc yển di dư vũ dẫn xuân trường.

- Nguyệt tương kim ốc đãi kiều mạc trức phong vân vô nhứt ảnh,

⁷ Ông Võ Văn Xuân, soạn.

⁸ 忠 *trung*: trung thành, làm hết bản phận; 厚 *hậu*: dày dặn, chiều dài; 貽 *di*: truyền lại, để lại cho đời sau; 流 *lưu*: dòng nước, trôi chảy; 繼 *kế*: tiếp theo, nối tiếp; 級 *cấp*: cấp bậc; 增 *tăng*: tăng thêm lên; 培 *bồi*: vun xới, bón; 仁 *nhân*: lòng thương người; 義 *nghĩa*: nghĩa khí; 只 *chỉ*: mỗi một.

⁹ 里 *lý*: làng xóm, dặm; 美 *mỹ*: đẹp; 喜 *hỉ*: vui vẻ; 看 *khan*: xem, nhìn, đọc; 制 *chế*: làm, chế tạo; 造 *tạo*: làm, chế tạo; 棟 *đống*: cái cột; 俚 *lương*: tốt, hoàn mỹ; 高 *cao*: cao thượng, thanh cao.

¹⁰ 泰 *thái*: bình yên, thản nhiên; một quẻ trong kinh Dịch; 恩 *ân*: ơn huệ; 賜 *tứ*: ban ơn; 千 *thiên*: ngàn; 秋 *thu*: mùa thu; 鑿 *tạc*: đào, đục.

¹¹ 源 *nguyên*: nguồn, nguồn gốc; 德 *đức*: thiện, ơn, ân; 留 *lưu*: lưu giữ, ở lại; 萬 *vạn*: vạn, mười nghìn; 吉 *thế*: đời, trên đời, nối đời nhau; 傳 *truyền*: truyền lại.

Tưởng độ lam điền tích ngọc yên tri lôĩ vũ nguyệt tiên trầĩ.

*-Nhật nguyệt hòa kim cổ
Sơn hà hội cựũ tân.*

*-Bình địa khởi phong vân kháng chiến thành công hoàĩ cựũ tự,
Hồng thiên mông vũ lộ tự đường tái lập tự tiên linh.*

*-Làm dân nước hiến thân giúp nước, nước có còn dân mới được
vinh,
Hận quân thù lấy máu rửa thù thù phải sạch máu dù có chảy.*

*-Giúp nước bao phen đi bắc về nam công khó nhọc nhằn trời đất
biết,
Nên nhà mấy độ đền ơn đáp nghĩa lòng thành trân trọng mẹ con
ghi.*

*-Nhật nguyệt tinh thần vô biến cải,
Sơn hà ba thọ hữu canh tân.*

*-Bá niên giai lão thùĩ tri mạng lý tại thiên võ sở dục,
Cứũ tự ân thâm yên năng nhân sanh hồ số dã nan tri.*